

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
PHỤC HƯNG CONSTREXIM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010**

Hà Nội, tháng 08 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Cao Tùng Lâm	Ủy viên
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
Ông Lưu Văn Lạc	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lan truyền chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		526.549.849.711	398.255.114.471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.626.489.827	51.934.656.123
1. Tiền	111	V.1	50.626.489.827	51.934.656.123
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		350.000.000	350.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	350.000.000	350.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.001.233.540	97.178.938.298
1. Phải thu khách hàng	131		79.522.338.077	81.751.471.653
2. Trả trước cho người bán	132		41.992.511.700	16.033.090.562
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	55.794.006.600	701.998.920
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.307.622.837)	(1.307.622.837)
IV. Hàng tồn kho	140		266.908.552.071	223.256.245.836
1. Hàng tồn kho	141	V.4	266.908.552.071	223.256.245.836
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.663.574.273	25.535.274.214
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		86.044.374	39.285.163
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.607.074.912	776.214.139
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	25.970.454.987	24.719.774.912
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.808.592.262	66.664.324.580
II. Tài sản cố định	220		68.691.185.396	49.350.638.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	27.858.901.045	21.247.393.014
- Nguyên giá	222		47.465.345.434	37.796.372.769
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.606.444.389)	(16.548.979.755)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	444.235.751	451.701.545
- Nguyên giá	228		499.537.085	499.537.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.301.334)	(47.835.540)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	40.388.048.600	27.651.544.356
III. Bất động sản đầu tư	240		-	1.021.201.147
- Nguyên giá	241		-	1.119.124.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(97.923.398)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.940.563.833	8.940.563.833
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	8.940.563.833	8.940.563.833
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.176.843.033	7.351.920.685
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	9.231.232.241	6.897.919.577
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	853.824.792	454.001.108
3. Tài sản dài hạn khác	268		91.786.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		614.358.441.973	464.919.439.051

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	258.111.326.152	179.784.436.618
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	258.111.326.152	179.784.436.618
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	243.710.104.441	167.224.980.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.401.221.711	12.559.456.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	525.129.518	1.321.666.281
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.161.754.873	4.280.189.223
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		890.029.148	3.409.592.602
8. Chi phí bán hàng	24		290.453.515	236.048.244
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.331.395.251	5.959.604.526
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.142.747.590	3.405.280.787
11. Thu nhập khác	31		2.981.193.501	1.985.999.992
12. Chi phí khác	32		1.726.676.284	1.883.821.961
13. Lợi nhuận khác	40		1.254.517.217	102.178.031
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.397.264.807	3.507.458.818
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	2.056.480.793	614.296.761
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(205.251.781)	(512.525.466)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.546.035.795	3.405.687.523
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		470.005.874	210.548.769
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		5.076.029.921	3.195.138.754
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.678	1.065



Cao Tung Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2010

Trần Hồng Phúc
Kế toán trưởng

Ngô Minh Nguyệt
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		389.184.940.967	242.405.041.081
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(282.763.550.881)	(130.262.084.623)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.377.065.668)	(15.168.386.496)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5.549.014.675)	(3.595.113.567)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.341.926.460)	(1.225.641.839)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		65.776.102.641	6.764.387.751
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(165.926.055.029)	(71.904.554.933)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.996.569.105)	27.013.647.374
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(10.190.139.347)	(58.455.171)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(14.321.005.412)	(395.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		10.954.848.333	26.849.444
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		508.654.155	204.213.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.047.642.271)	(222.391.953)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		14.626.498.000	200.002.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		1.200.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		139.107.892.376	56.830.155.996
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(119.852.445.296)	(91.384.504.162)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.345.900.000)	(2.523.409.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.736.045.080	(36.877.755.482)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.308.166.296)	(10.086.500.061)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		51.934.656.123	25.577.119.324
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	50.626.489.827	15.490.619.263



Cao Tung Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2010

Trần Hồng Phúc
Kế toán trưởng

Ngô Minh Nguyệt
Người lập

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001. Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung.

Theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 21 tháng 08 năm 2003, Công ty được tiếp nhận là Công ty con trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con Constrexim theo quy định tại Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 30 tháng 07 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ (Công ty mẹ là Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam - Constrexim Holdings).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 07 tháng 03 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng), tổng số cổ phần là 3.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Theo Nghị quyết số 02/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 12 năm 2009 của Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2009 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Theo Nghị quyết này, Công ty phát hành thêm 7.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên cơ quan Công ty và đối tác chiến lược và được chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn 1, Công ty phát hành 4.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Giai đoạn 2, Công ty phát hành 2.500.000 cổ phiếu, trong đó 370.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên và 2.130.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty tăng lên là 74.929.860.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim có 02 chi nhánh, gồm:

- Chi nhánh Miền Nam tại P2006 Lô A, tòa nhà 21 tầng Trung tâm Thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; và
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại số 78/65 Ba Vân, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim có 03 Công ty con cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 164 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình Si lô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo ngoại ngữ;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Thiết kế công trình (thiết kế tổng thể mặt bằng, kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; và
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng thể mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp...

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đây là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Trong năm tài chính 2009, Công ty ghi nhận chi phí mua toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (gọi tắt là "Liên doanh") số tiền là 110.218.000.000 đồng vào khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh". Tuy nhiên, theo Điều lệ hoạt động của Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic thì bản chất của Liên doanh này là một hợp đồng hợp tác kinh doanh với mục đích duy nhất là thực hiện dự án đầu tư, xây dựng các khu chung cư cao tầng cùng hệ thống kỹ thuật hạ tầng hoàn chỉnh trên khu đất có diện tích 8.962 m² tại khu đô thị mới Trung Văn, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội để bán lại cho các bên của Liên doanh theo giá vốn xây dựng. Do đó, khoản đầu tư của Công ty vào Liên doanh này là một khoản góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh để có được quyền mua căn hộ chung cư với giá mua bằng giá vốn xây dựng căn hộ. Với bản chất như vậy thì khoản đầu tư vào Liên doanh của Công ty được coi như là một khoản chi phí để có được quyền mua căn hộ chung cư nói trên. Theo đó trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty thực hiện phân loại lại khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh" sang khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cho phù hợp với bản chất của hoạt động kinh tế đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn của các lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý năng suất lương được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

HH
★
/

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí thuê Văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	830.418.838	1.430.868.820
Tiền gửi ngân hàng	49.796.070.989	50.503.787.303
Cộng	50.626.489.827	51.934.656.123

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	350.000.000	350.000.000
Cộng	350.000.000	350.000.000

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lãi trái phiếu Chính phủ	1.935.000	1.935.000
Phải thu khác	55.792.071.600	700.063.920
- Các cá nhân	532.873.873	665.435.567
- Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	35.705.825.000	-
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí VN	7.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sinh Viên	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đức Thắng Lợi	9.980.000.000	-
- Phải thu khác	73.372.727	34.628.353
Cộng	55.794.006.600	701.998.920

4. Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.301.799.884	2.437.983.645
Công cụ, dụng cụ	39.576.500	20.483.000
Chi phí SXKD dở dang	262.090.718.054	214.190.213.430
Thành phẩm	15.989.398	76.580.895
Hàng hóa	3.460.468.235	6.530.984.866
Cộng	266.908.552.071	223.256.245.836

5. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	25.857.691.987	24.400.594.710
+ Tạm ứng lương	22.566.986	-
+ Tạm ứng giao khoán nội bộ (*)	19.041.644.683	11.604.069.376
+ Tạm ứng khác	6.793.480.318	12.796.525.334
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	112.763.000	319.180.202
Cộng	25.970.454.987	24.719.774.912

(*) Tạm ứng giao khoán nội bộ là những khoản tiền đã tạm ứng cho các đội nhận khoán của Công ty để mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền lương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & XUẤT NHẬP KHẨU PHỤC HƯNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tầng 3 nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Tại ngày 01/01/2010	532.390.727		22.093.651.299		13.188.484.843		1.249.764.574		732.081.326		37.796.372.769
Mua trong kỳ	-		7.655.971.380		1.582.396.958		293.110.062		137.494.265		9.668.972.665
Tại ngày 30/06/2010	532.390.727		29.749.622.679		14.770.881.801		1.542.874.636		869.575.591		47.465.345.434
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Tại ngày 01/01/2010	19.435.694		10.930.381.832		4.451.080.483		682.123.768		465.957.978		16.548.979.755
Khấu hao trong kỳ	10.647.815		1.690.941.179		1.163.218.064		185.003.787		7.653.789		3.057.464.634
Tại ngày 30/06/2010	30.083.509		12.621.323.011		5.614.298.547		867.127.555		473.611.767		19.606.444.389
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày 01/01/2010	512.955.033		11.163.269.467		8.737.404.360		567.640.806		266.123.348		21.247.393.014
Tại ngày 30/06/2010	502.307.218		17.128.299.668		9.156.583.254		675.747.081		395.963.824		27.858.901.045

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của công ty với giá trị khoảng 3.673.841.412 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Phần mềm quản lý năng suất lương VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	420.000.000	69.537.085	10.000.000	499.537.085
Tại ngày 30/06/2010	420.000.000	69.537.085	10.000.000	499.537.085
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	-	41.168.876	6.666.664	47.835.540
Khấu hao trong kỳ	-	5.799.128	1.666.666	7.465.794
Tại ngày 30/06/2010	-	46.968.004	8.333.330	55.301.334
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2010	420.000.000	28.368.209	3.333.336	451.701.545
Tại ngày 30/06/2010	420.000.000	22.569.081	1.666.670	444.235.751

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng số chi phí XD CB dở dang	40.388.048.600	27.651.544.356
- Dự án thép Bim Sơn	958.629.337	885.504.015
- Dự án Nhà liền kề 7 Bim Sơn - Thanh Hóa	528.215.270	528.215.270
- Dự án Phục Hưng Tower	16.407.552.159	15.497.936.576
- Dự án Tân Thành (khu 23 ha)	703.585.128	554.888.495
- Dự án Đồi Ngọc Tước (thửa đất 23,4 P8, TP Vũng Tàu)	21.270.488.567	10.185.000.000
- Dự án Nhà máy bóng đèn chiếu sáng VIETVEN - tại Venezuela	502.658.139	-
- Dự án khai thác mỏ đá tại Hòa Bình	16.920.000	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

9. Đầu tư vào công ty con

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2009	Hoạt động chính
1.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép bằng công nghệ ván khuôn leo, kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt cấu kiện thép....
2.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Thanh Hóa	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép, cơ sở hạ tầng; Thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; xử lý nước thải; xử lý nền móng công trình,...
3.	Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng	Hà Nội	65%	6.500.000.000	Tư vấn đầu tư trong lĩnh vực xây dựng; Bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán sắt thép trong xây dựng; Bán máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khai khoáng trong xây dựng; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; và Cho thuê xe ô tô,...

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

10. Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của của công ty này, theo đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là công ty con của Công ty.

11. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	700.000.000	700.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Sinh viên - Vistco	8.230.563.833	8.230.563.833
Đầu tư trái phiếu	10.000.000	10.000.000
Cộng	8.940.563.833	8.940.563.833

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	6.153.864.151	3.785.843.305
Chi phí thuê văn phòng HH2	3.077.368.090	3.112.076.272
Cộng	9.231.232.241	6.897.919.577

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.425.159.722	777.862.100
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(571.334.930)	(323.860.992)
Cộng	853.824.792	454.001.108

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

14. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô	100.700.352.418	91.463.764.038
+ Việt Nam đồng	90.358.484.520	87.319.353.888
+ Đô la Mỹ	10.341.867.898	4.144.410.150
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	7.259.996.031	7.203.099.991
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Vũng Tàu (PVFC - Vũng Tàu)	6.454.076.159	-
- Các cá nhân khác	6.593.281.312	7.349.065.001
Cộng	121.007.705.920	106.015.929.030

- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 36032.2010/HĐTDHM ngày 08 tháng 06 năm 2010 với thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 08 tháng 06 năm 2010. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn này là 112 tỷ.
- Khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2010/HĐTDHM-TCĐK.TD ngày 29 Tháng 01 năm 2010 với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng hạn mức có hiệu lực và lãi suất vay ngắn hạn do bên cho vay công bố tại thời điểm bên vay rút vốn và được ghi cụ thể trên khế ước nhận nợ.
- Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn theo hợp đồng hạn mức số 01/09/HĐ ngày 10 tháng 04 năm 2009 với tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn của hợp đồng là ngày 31/03/2010, lãi suất theo từng khế ước vay cụ thể.
- Khoản vay ngắn hạn của các cá nhân khác theo các hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết giữa Công ty và các cá nhân. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 0,5% đến 1%/tháng trên chi phí đi vay tùy thuộc vào từng hợp đồng vay, lãi suất này không cố định có thể thay đổi căn cứ vào biến động lãi suất của ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo sự thỏa thuận của hai bên.
- Vay ngắn hạn các cán bộ nhân viên trong Công ty theo từng hợp đồng vay cụ thể, thời hạn dưới 1 năm, lãi vay là 1%/tháng.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	720.655.297	5.703.722.386
Thuế xuất, nhập khẩu	301.525	67.623.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.126.790.976	2.412.236.644
Thuế thu nhập cá nhân	54.407.939	36.713.900
Cộng	3.902.155.737	8.220.296.704

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

16. Chi phí phải trả

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí xây lắp	10.692.178.974	33.896.065.386
Cộng	10.692.178.974	33.896.065.386

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	445.245.605	434.992.592
Bảo hiểm xã hội	317.570.986	25.710.135
Bảo hiểm y tế	938.050	9.502.565
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	123.696.832.642	80.840.001.158
Phải trả phải nộp khác	31.223.900.129	36.210.061.142
Cộng	155.684.487.412	117.520.267.592

18. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô	1.944.870.900	3.378.741.899
Cộng	1.944.870.900	3.378.741.899

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 07.36032.01/HĐTĐTH ngày 06 tháng 03 năm 2007 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư văn phòng Công ty tại Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội. Công ty sử dụng giá trị quyền sử dụng diện tích 523m² thuê trong 50 năm tại tầng 3 Tòa nhà HH2 - phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 1.006.077.400 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.36032.09/HĐTĐTH ngày 28 tháng 12 năm 2009 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu cầu thép SCM C6018. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 938.793.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & XUẤT NHẬP KHẨU PHỤC HƯNG
Tầng 3 nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	30.000.000.000	10.287.502.500	-	1.326.920.283	-	884.792.256	420.500.602	42.919.715.641						
Tăng trong năm	-	-	-	961.917.043	-	507.141.642	9.515.371.561	10.984.430.246						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	9.411.153.503	9.411.153.503						
Trích quỹ	-	-	-	961.917.043	-	507.141.642	-	1.469.058.685						
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	104.218.058	104.218.058						
Giảm trong năm	-	-	-	(177.495.100)	-	-	(4.723.735.358)	(4.901.230.458)						
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.523.409.316)	(2.523.409.316)						
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.937.004.378)	(1.937.004.378)						
Chi quỹ	-	-	-	(177.495.100)	-	-	(262.320.000)	(439.815.100)						
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.001.664)	(1.001.664)						
Tại ngày 01/01/2010	30.000.000.000	10.287.502.500	-	2.111.342.226	-	1.391.933.898	5.212.136.805	49.002.915.429						
Tăng trong kỳ	44.929.860.000	11.232.465.000	364.483.404	424	-	364.483.404	5.076.029.921	61.967.322.153						
Phát hành cổ phiếu (*)	44.929.860.000	11.232.465.000	-	-	-	-	-	56.162.325.000						
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	5.076.029.921	5.076.029.921						
Trích quỹ	-	-	364.483.404	424	-	364.483.404	-	728.967.232						
Giảm trong kỳ	-	-	-	(33.800.000)	-	-	(5.512.400.449)	(5.512.400.449)						
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)						
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(728.967.232)	(728.967.232)						
Giảm khác	-	-	-	(33.800.000)	-	-	(283.433.217)	(317.233.217)						
Tại ngày 30/06/2010	74.929.860.000	21.519.967.500	364.483.404	2.077.542.650	1.756.417.302	4.775.766.277	105.424.037.133							

(*) Theo Nghị quyết số 02/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 12 năm 2009 của Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2009 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng được chia thành 2 giai đoạn. Ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty ghi nhận tăng vốn điều lệ với số tiền là 44.929.860.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Công ty trích bổ sung 5% quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát 4% trên lợi nhuận chưa phân phối và thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành là 560.000.000 đồng. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty thực trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát số tiền là 130 triệu đồng. Theo Nghị quyết số 01.10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, Công ty chia cổ tức năm 2009 với tỷ lệ là 15%.

c) Cổ phiếu

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.492.986	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.492.986	3.000.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.492.986	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.492.986	3.000.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến	Từ 01/01/2009 đến
	30/06/2010	30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	258.111.326.152	179.784.436.618
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động xây lắp	230.507.805.768	161.181.783.743
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.603.520.384	18.602.652.875
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	258.111.326.152	179.784.436.618

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	219.628.862.488	151.065.726.236
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ khác	24.081.241.953	16.159.253.883
Cộng	243.710.104.441	167.224.980.119

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	525.129.518	1.321.666.281
Cộng	525.129.518	1.321.666.281

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền vay	890.029.148	3.409.592.602
Chi phí tài chính khác	271.725.725	870.596.621
Cộng	1.161.754.873	4.280.189.223

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.056.480.793	614.296.761
Trong đó:		
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim	1.726.324.719	519.329.864
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	114.551.676	82.121.864
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	147.692.427	12.845.033
- Công ty CP Thương mại Phục Hưng	67.911.971	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.076.029.921	3.195.138.754
Số cổ phần phổ thông lưu hành đầu kỳ	3.000.000	3.000.000
Số cổ phần phổ thông lưu hành cuối kỳ	7.492.986	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.024.961	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.678	1.065

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
			VND	VND
Hội đồng quản trị			60.000.000	60.000.000
Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	12.000.000	12.000.000
Cao Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	12.000.000	12.000.000
Trịnh Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	12.000.000	12.000.000
Lưu Văn Lạc	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ban kiểm soát			39.795.421	18.000.000
Nguyễn Thị Lan	Trưởng BKS	Thù lao BKS	33.795.421	12.000.000
Nguyễn Đức Chính	BKS	Thù lao BKS	-	1.500.000
Nguyễn Văn Duy	BKS	Thù lao BKS	3.000.000	1.500.000
Nguyễn Lan Hương	BKS	Thù lao BKS	3.000.000	3.000.000
Ban Giám đốc			455.287.167	336.773.155
Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc	Tiền lương	139.039.333	113.850.092
Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	91.656.000	75.240.000
Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	88.007.833	60.204.171
Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	44.928.000	25.000.000
Trần Hồng Phúc	Giám đốc Tài chính	Tiền lương	91.656.000	62.478.892

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu của 6 tháng đầu năm 2009. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2010


Trần Hồng Phúc
Kế toán trưởng


Ngô Minh Nguyệt
Người lập

